| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**KHU VỰC 1 - ĐIỆN BIÊN**<br>TỈNH ĐIỆN BIÊN | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: **27**/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 25 - 9 - 2025
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn.

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1, TỈNH ĐIỆN BIÊN**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

*Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Minh Huệ

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Cao Thị Hồng Minh

2. Bà Đỗ Thị Thu Hà

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Ông Lường Văn Đoản - Thẩm tra viên, Tòa án nhân dân khu vực 1, tỉnh Điện Biên;

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1, tỉnh Điện Biên tham gia phiên toà:*** Bà Thái Ngọc Mai - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 1, tỉnh Điện Biên. Tòa án nhân dân khu vực 1, tỉnh Điện Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 22/2025/TLST - HNGĐ ngày 04 tháng 8 năm 2025 về Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2025/QĐXXST- HNGĐ ngày 04/9/2025, Quyết định hoãn phiên tòa số: 18/2025/QĐST-HNGĐ ngày 19/9/2025 giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn*: Bà **Quàng Thị T**. Địa chỉ: Bản C, xã M, tỉnh Điện Biên. (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

*2. Bị đơn*: Ông **Lường Văn T**. Địa chỉ: Bản H, xã M, tỉnh Điện Biên. (Có mặt)

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*1. Tại đơn khởi kiện đề ngày 29/7/2025, quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Bà T và ông T kết hôn trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại UBND xã M, thành phố Đ (nay là xã M), tỉnh Điện Biên vào

ngày 07/6/2023. Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc thời gian đầu, sau đó thì phát sinh mâu thuẫn. Khi con chung được 02 tháng tuổi ông T bỏ đi đến khi con được 06 tháng thì xin quay lại, vì thương con nên bà T chấp nhận. Tuy nhiên, khoảng tháng 9/2024 bà T phát hiện chồng chơi cờ bạc, vợ chồng lại xích mích với nhau, ông T lại bỏ đi. Do tình cảm vợ chồng không còn nên bà T yêu cầu ly hôn.

Về ý kiến của ông T, bà T cho rằng: Việc bỏ thai là vì trước đó vợ chồng đã thống nhất kế hoạch chưa có con, bà T đã uống thuốc tránh thai nhưng vẫn có nên phải bỏ. Ông T không thông cảm còn trách móc. Trong thời gian ly thân, con ốm nhưng ông T cũng không quan tâm, thăm hỏi gì con. Bà T đã cho chồng cơ hội nhưng không chịu thay đổi, do đó vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Lường Minh Q - sinh ngày 11/4/2023. Bà T có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Hiện cháu khỏe mạnh, phát triển bình thường và đang sống cùng với bà T. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà T không yêu cầu Toà án giải quyết. Hiện bà T đang làm nông nghiệp và làm thuê thu nhập đủ để nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bà Thu đề nghị xét xử vắng mặt.

2. Tại Biên bản lấy lời khai ngày 29/8/2025, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông T nhất trí với lời trình bày về phần kết hôn ban đầu của bà T. Theo ông nguyên nhân chính dẫn đến mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm, mâu thuẫn trong việc giữ thai hay bỏ. Ông muốn giữ con, bà T tự đi bỏ thai. Sau đó vì một số mâu thuẫn nhỏ nên vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 02/2025 cho đến nay. Nay bà T yêu cầu ly hôn, ông không đồng ý vì ông T còn yêu thương vợ.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Lường Minh Q - sinh ngày 11/4/2023.

Ban đầu, ông T đồng ý với nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung của bà T, nhất trí vì con còn nhỏ cần sự chăm sóc của người mẹ. Hiện cháu khỏe mạnh, phát triển bình thường và đang sống cùng với bà T. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ông T sẽ tự thực hiện, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tại phiên tòa ông T: Không đồng ý ly hôn, không đồng ý việc bà T yêu cầu được nuôi con. Tuy nhiên, không cung cấp được tài liệu, chứng cứ để bảo vệ ý kiến của mình.

- Về tài sản (chung, riêng) và nợ (chung, riêng): Ông T không yêu cầu giải quyết.

3. Việc xác minh, thu thập chứng cứ: Tại Văn bản số 252/UBND-CV ngày 29/8/2025 UBND xã M, tỉnh Điện Biên trả lời như sau: UBND xã M không nắm rõ về mâu thuẫn giữa ông T và bà T, UBND xã không nhận được yêu cầu của họ và gia đình yêu cầu hòa giải cơ sở. Hiện ông T có mặt tại nơi cư trú, không có công việc ổn định.

4. Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trên cơ sở đơn khởi kiện và việc thụ lý vụ án, Thẩm phán đã xác định đúng quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết vụ án; việc lập hồ sơ vụ án cũng như trình tự, thủ tục giải quyết vụ án đảm bảo, đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự (sau đây viết tắt là BLTTDS) cũng như các quy định pháp luật có liên quan.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng:

Đối với nguyên đơn: Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của BLTTDS về quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại các Điều 70,71/BLTTDS. Các tài liệu, chứng cứ mà Nguyên đơn cung cấp đảm bảo đúng quy định tại Điều 95/BLTTDS.

Đối với bị đơn: Chưa thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 72/BLTTDS.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 228/BLTTDS; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, khoản 1 Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân gia đình năm 2014:

- Về hôn nhân: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: bà T được ly hôn với ông T.

- Về con chung: Giao cháu Lường Minh Q - sinh ngày 11/4/2023 cho bà T chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi thành niên hoặc cho đến khi có thay đổi khác.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Không xem xét giải quyết.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Việc người trực tiếp nuôi con có thể thay đổi nếu các bên có thỏa thuận hoặc yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét giải quyết.

- Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội: Bà T phải chịu 300.000 đồng án phí DSST.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thẩm quyền xét xử: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn với bị đơn có nơi cư trú tại xã M, tỉnh Điện Biên nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 1, tỉnh Điện Biên theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39/BLTTDS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025)

[2] Về thủ tục tố tụng:

- Trong quá trình giải quyết vụ án do Tòa án đã tiến hành biện pháp thu thập tài liệu, chứng cứ lấy lời khai đương sự và thông báo cho Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp để cử kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

- Về việc vắng mặt đương sự: Do nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên căn cứ khoản 1 Điều 228/BLTTDS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025), HĐXX xét xử vắng mặt nguyên đơn.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân:

Căn cứ vào Giấy chứng nhận kết hôn số 22 ngày 07/6/2023 của UBND xã nơi thực hiện việc đăng ký kết hôn cùng lời khai của các đương sự, có căn cứ xác định: Bà T và ông T có đăng ký kết hôn tại UBND xã M, thành phố Đ (nay là xã M), tỉnh Điện Biên vào ngày 07/6/2023 là hôn nhân hợp pháp.

Về nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng: Qua lời khai của các bên đương sự, thấy rằng nguyên nhân dẫn chính dẫn đến mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm, vợ chồng thiếu sự chia sẻ, thấu hiểu dẫn đến không thông cảm, quan tâm, chăm sóc nhau, mâu thuẫn không giải quyết được. Hiện vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 02/2025 cho đến nay.

Do đó có căn cứ về việc bà T và ông T đã sống ly thân, hiện không còn quan tâm gì đến nhau, đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng (nghĩa vụ yêu thương, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc nhau...) làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện và giải quyết cho bà T được ly hôn với ông T.

[3.2] Về con chung:

Bà T và ông T có một con chung là Lường Minh Q - sinh ngày 11/4/2023. Bà T yêu cầu: Sau khi ly hôn, bà T sẽ trực tiếp nuôi con chung. Không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung. Quá trình giải quyết, ông T cũng đồng ý với yêu cầu về con và cấp dưỡng nuôi con của bà T. Tuy nhiên, tại phiên tòa ông T thay đổi

ý kiến của mình, không nhất trí để bà T nuôi con. Nhưng ông T không cung cấp được tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho ý kiến của mình và tại văn bản của UBND xã M, tỉnh Điện Biên thể hiện: ông T không có công việc ổn định. Do đó, nếu giao con cho ông T không đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp của con chung chưa thành niên.

Xét thấy, yêu cầu giải quyết về con chung của bà T là phù hợp vì: bà T có việc làm và thu nhập ổn định, có điều kiện để trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con, hơn nữa con chung hiện còn nhỏ (dưới 36 tháng tuổi) cần có sự chăm sóc của người mẹ nhiều hơn. Nên việc giao con cho bà T là đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của con chưa thành niên. Do đó, căn cứ vào Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu giải quyết về nuôi con chung của bà T. Về cấp dưỡng nuôi con: bà T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét, giải quyết.

[3.3] Về tài sản chung: Do đương sự không yêu cầu giải quyết nên HĐXX không xem xét, giải quyết.

[3.4] Về nợ chung: Do đương sự không yêu cầu giải quyết nên HĐXX không xem xét, giải quyết.

[4] Từ những phân tích trên, các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên được chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn theo quy định của pháp luật.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025); Khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử:**

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Quàng Thị T.

1. Về hôn nhân: Bà Quàng Thị T được ly hôn với ông Lường Văn T.

2. Về con chung: Bà Quàng Thị T được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Lường Minh Q - sinh ngày 11/4/2023 cho đến khi đủ 18 tuổi hoặc cho đến khi có thay đổi khác.

Về cấp dưỡng nuôi con: Không yêu cầu giải quyết.

Việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn; Nghĩa vụ, quyền của cha, mẹ không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn; Nghĩa vụ, quyền của cha, mẹ trực tiếp nuôi con đối với người không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn; Việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

3. Về tài sản chung và nợ: Không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Bà Quàng Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0000030 ngày 01/8/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Điện Biên (Bà T đã nộp đủ tiền án phí).

5. Về quyền kháng cáo: Bị đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án kể từ ngày tuyên án (25/9/2025). Nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì các đương sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a và 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.*

***Nơi nhận:***
*- VKSND khu vực 1 - ĐB;*
*- Những người tham gia tố tụng;*
*- THADS tỉnh ĐB;*
*- Toà án nhân dân tỉnh Điện Biên;*
*- UBND xã M, tỉnh ĐB;*
*- Lưu hồ sơ vụ án;*
*- Lưu VP.*

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*(Đã ký)*

**Nguyễn Thị Minh Huệ**